

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2018

NINH BÌNH, THÁNG 10 NĂM 2018

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/09/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		87.465.448.300	103.451.325.735
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.109.522.016	22.858.772.589
1. Tiền	111		1.609.522.016	13.358.772.589
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.500.000.000	9.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.3	24.500.000.000	32.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		24.500.000.000	32.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.055.902.636	39.102.820.452
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	559.667.010	1.629.827.310
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	36.752.024.938	32.224.014.839
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.349.240.683	8.611.787.798
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(897.567.513)	(3.655.347.013)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.6	292.537.518	292.537.518
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	8.547.253.449	8.828.847.591
1. Hàng tồn kho	141		8.547.253.449	8.828.847.591
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		252.770.199	160.885.103
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	252.770.199	160.885.103
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		799.893.036.756	811.971.470.292
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		479.195.505.338	495.656.702.558
1. TSCĐ hữu hình	221	V.9	479.180.038.704	495.635.235.921
- Nguyên giá	222		601.122.501.497	600.834.842.403
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(121.942.462.793)	(105.199.606.482)
2. TSCĐ vô hình	227	V.10	15.466.634	21.466.637
- Nguyên giá	228		597.722.270	597.722.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(582.255.636)	(576.255.633)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	32.088.822.606	32.088.822.606
- Nguyên giá	231		32.088.822.606	32.088.822.606
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		248.448.675.375	242.586.391.616
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	248.448.675.375	242.586.391.616
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3	2.151.551.038	2.212.089.281
1. Đầu tư vào công ty con	251		200.000.000	200.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.800.000.000	4.800.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.848.448.962)	(2.787.910.719)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		38.008.482.399	39.427.464.231
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	38.008.482.399	39.427.464.231
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		887.358.485.056	915.422.796.027

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/09/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		100.599.823.447	116.217.446.690
I. Nợ ngắn hạn	310		16.082.822.193	29.375.668.669
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	3.606.876.522	5.719.269.307
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	195.361.900	153.750.800
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	699.225.215	2.152.312.520
4. Phải trả người lao động	314		1.728.370.958	3.001.057.196
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	206.818.183	270.454.547
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	9.646.169.415	18.078.824.299
II. Nợ dài hạn	330		84.517.001.254	86.841.778.021
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		84.517.001.254	86.841.778.021
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		786.758.661.609	799.205.349.337
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	786.758.661.609	799.205.349.337
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		891.236.000.000	891.236.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		891.236.000.000	891.236.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(104.477.338.391)	(92.030.650.663)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(92.030.650.663)	(92.030.650.663)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(12.446.687.728)	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		887.358.485.056	915.422.796.027

Ninh Bình, ngày 17 tháng 10 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Người lập biểu



Trịnh Văn Việt

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy

Tổng Giám đốc



Đào Phong Trúc Đại

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ III		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	11.305.999.786	13.514.646.602	33.499.940.132	40.604.173.066
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		207.272.727		207.272.727	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		11.098.727.059	13.514.646.602	33.292.667.405	40.604.173.066
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	14.015.309.892	13.718.744.249	41.042.211.602	38.341.214.840
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		(2.916.582.833)	(204.097.647)	(7.749.544.197)	2.262.958.226
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	119.465.768	163.649.943	1.254.359.297	1.146.263.691
7. Chi phí tài chính	22	VI.4			60.538.243	2.096.288.081
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24					
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	378.626.582	690.583.651	1.484.233.699	2.074.810.938
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	2.278.315.202	2.197.837.317	4.219.665.435	7.466.155.891
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}	30		(5.454.058.849)	(2.928.868.672)	(12.259.622.277)	(8.228.032.993)
12. Thu nhập khác	31	VI.5	22.492.291	53.096.084	131.065.966	142.503.118
13. Chi phí khác	32	VI.6	103.985.070	350.304.340	318.131.417	602.759.625
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(81.492.779)	(297.208.256)	(187.065.451)	(460.256.507)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(5.535.551.628)	(3.226.076.928)	(12.446.687.728)	(8.688.289.500)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9				
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		(5.535.551.628)	(3.226.076.928)	(12.446.687.728)	(8.688.289.500)
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61					
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62					
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	(62)	(36)	(140)	(97)

Ninh Bình ngày 17 tháng 10 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Người lập biểu



Trịnh Văn Việt

Kê toán trưởng



Nguyễn Quang Huy

Tổng Giám đốc



Đào Phong Trúc Đại

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
				Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(12.446.687.728)	(8.688.289.500)
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao TSCĐ	02		16.748.856.314	16.484.369.087
-	Các khoản dự phòng	03		60.538.243	2.096.288.081
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.254.359.297)	(1.146.263.691)
-	Chi phí lãi vay	06		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.108.347.532	8.746.103.977
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.953.082.184)	917.776.215
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		281.594.142	(1.119.430.091)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(15.617.623.243)	(10.197.952.589)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.327.096.736	2.149.775.615
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.853.667.017)	496.273.127
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.149.942.853)	(2.957.061.325)
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		8.000.000.000	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.254.359.297	1.146.263.691
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.104.416.444	(1.810.797.634)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(10.749.250.573)	(1.314.524.507)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.858.772.589	44.104.972.798
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	12.109.522.016	42.790.448.291

Ninh Bình, ngày 17 tháng 10 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Người lập biểu



Trịnh Văn Việt

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy

Tổng Giám đốc



Đào Phong Trúc Đại

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư PV-INCONESS (sau đây gọi tắt là "Công ty") tên viết tắt là PV-INCONESS., CORP được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102294528, chứng nhận lần đầu ngày 15/6/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 12/04/2018 thì Vốn Điều lệ của Công ty là **891.236.000.000 đồng** (*Tám trăm chín mươi một tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu đồng chẵn./*)

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh sân Golf và các dịch vụ sân Golf.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động của các cơ sở thể thao, chi tiết:
- + Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời;
- + Sân Golf; Dịch vụ sân golf đạt tiêu chuẩn quốc tế;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết:
- + Khách sạn;
- + Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội nghị, đám cưới,...);
- Cho thuê xe có động cơ; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
(Đối với các ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Trụ sở công ty tại: Thôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con: Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Kinh doanh thương mại Khánh Dương, quyền biểu quyết, tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại công ty này là 100%. Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Kinh doanh thương mại Khánh Dương đang làm thủ tục giải thể theo Quyết định số 06-2/2013/QĐ-HĐQT ngày 20/5/2013 của Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư PV-INCONESS.
- Danh sách công ty liên kết: Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Đồng Thái có trụ sở tại Thôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên kết này là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng. Tại ngày 30/09/2018, tỷ lệ quyền biểu quyết, tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ phần sở hữu của Công ty tại công ty này là 48%.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/09/2018 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ thuê tài chính và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình.

